

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày 29/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Hoàng; bà Trịnh Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Đỗ Anh T, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1992, tại **xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ**; nơi cư trú: **khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Quang N**, sinh năm 1969 và bà **Khuất Thị L**, sinh năm 1970; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 (Hai) chị em; vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2016, **Đỗ Anh T** bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường bộ”. (đã được xóa án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/7/2023 đến ngày 16/10/2023 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh **Trịnh Đình D**, sinh năm 1985; địa chỉ: **TDP H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh **Lê Xuân H**, sinh năm 1992; địa chỉ: **Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1981; địa chỉ: TDP T, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ)

- Anh Hoàng Đàm L1, sinh năm 1985; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 17/4/2023, Đỗ Anh T, sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S lên mạng Google tìm kiếm từ khoá “camera C” và tìm được 02 (Hai) cửa hàng mua bán camera của chị Nguyễn Thị Thu T1 và cửa hàng của anh Hoàng Đàm L1. Sau khi có được thông tin của hai cửa hàng này, T dùng số điện thoại 0379.431.006 gọi điện đặt mua camera với cửa hàng và trao đổi mình là thợ lắp đặt nên nhờ báo giá lên 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 (một) chiếc camera để ăn tiền chênh lệch và sẽ nhờ người tới lấy rồi trả tiền cho cửa hàng, T cung cấp số tài khoản 000003024280 tại ngân hàng S, chủ tài khoản mang tên Lương Văn D1 cho chị T1 và anh L1 để chuyển tiền chênh lệch. Sau đó, T tiếp tục vào mạng G để tìm kiếm từ khoá “xe ghép C” thì tìm được thông tin của anh Trịnh Bình D2 và anh Lê Xuân H. T tiếp tục dùng số điện thoại 0379.431.006 để liên lạc với anh D2 và anh H.

T nhờ anh D2 đến cửa hàng của chị T1 để lấy camera mang đến xã C, huyện C, anh D2 đồng ý và báo tiền xe là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). T trao đổi với anh D2 khi lên đến xã C sẽ thanh toán cả tiền xe và tiền camera. Sau khi anh D2 lấy camera và thanh toán số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), chị T1 chuyển số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền chênh lệch vào tài khoản T đã cung cấp. Sau đó, anh D2 đi đến Ủy ban nhân dân thị trấn P, T tiếp tục gọi cho anh D2 nói quay lại cửa hàng chị T1 lấy thêm một chiếc camera nữa. Sau khi anh D2 lấy camera và thanh toán số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) lần thứ hai, chị T1 chuyển tiếp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho T như lần trước. Sau khi nhận được tiền chị T1 chuyển, T bật chế độ máy bay để anh D2 và chị T1 không liên lạc được cho T.

Đối với anh H, T nhờ anh H đến cửa hàng camera của anh L1 để lấy camera mang đến xã C, anh H đồng ý và báo tiền xe là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). T trao đổi với anh H khi lên đến xã C sẽ thanh toán cả tiền xe và tiền camera. Sau khi anh H lấy camera và thanh toán số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), anh L1 chuyển số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền chênh lệch vào tài khoản T đã cung cấp. Tiếp đó, T gọi cho anh H trao đổi là cần lấy thêm đồ và nhờ anh H chuyển số tiền 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) vào số tài khoản 000003024280 tại ngân hàng S, chủ tài khoản tên Lương Văn D1, khi đến xã C, T sẽ thanh toán cả. Khi nhận được số tiền 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) anh H chuyển, T bật

chế độ máy bay không cho anh **H** và anh **L1** liên lạc lại. Sau khi không liên lạc được với **T**, anh **D2** mang camera quay lại cửa hàng của chị **T1** để trả lại thì phát hiện đã bị lừa đảo chiếm đoạt số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), anh **H** mang camera quay lại cửa hàng của anh **L1** để trả lại thì phát hiện đã bị lừa đảo chiếm đoạt số tiền là 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** thu giữ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S, màu xanh, có dán miếng dán màu đỏ vào mặt lưng phía sau, tình trạng đã qua sử dụng, chiếc điện thoại đang được bảo quản tại kho vật chứng thuộc Cơ quan Thi hành án dân sự **huyện C** chờ xử lý theo quy định.

Đối với số điện thoại 0379.431.006 và số tài khoản 000003024280, quá trình điều tra xác định vào đầu tháng 01/2023, bị cáo mua sim điện thoại này để sử dụng liên lạc và mua căn cước công dân mang tên **Lường Văn D1** để mở tài khoản trên tại **ngân hàng S**. Đến tháng 05/2023, bị cáo đã rút sim và căn cước công dân này đi nhưng không nhớ rút ở đâu. Vì vậy, không có căn cứ để truy tìm, thu giữ.

Đối với **Nguyễn Thị Thu T1** và **Hoàng Đàm L1** là người đã thỏa thuận bán camera và chuyển tiền chênh lệch cho bị cáo, tuy nhiên chị **T1** và anh **L1** không biết, không liên quan đến hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo. Do đó, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị **T1** và anh **L1**.

Đối với người tên **Lường Văn D1**, quá trình điều tra xác định **Lường Văn D1**, sinh năm 1982 trú tại **Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên** nhưng gia đình và địa phương xác nhận Điện không có mặt tại địa phương. Vì vậy, tách phần liên quan đến số tài khoản ngân hàng mang tên **Lường Văn D1** ra để giải quyết trong vụ việc khác.

*Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKSCT ngày 24 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy đã truy tố bị cáo **Đỗ Anh T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.*

Tại phiên tòa, đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Đỗ Anh T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS. Khoản 1 Điều 21 điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo **Đỗ Anh T** từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S. Về trách nhiệm dân

sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và thỏa thuận bồi thường xong, không có yêu cầu gì nữa nên không xem xét

*Tại phiên tòa bị cáo **Đỗ Anh T** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo trình bày nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là thời gian tháng 4 năm 2023 bị cáo đang chăm sóc để truyền hóa chất tại **bệnh viện Ung bướu tỉnh P**, trong thời gian rảnh rỗi bị cáo lên mạng google tìm kiếm các trò chơi điện tử và thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Số tiền 4.650.000đ, bị cáo đã chi tiêu vào mục đích cá nhân. Nay bị cáo thực sự ăn năn hối lỗi đã đến nhà anh **D2**, anh **H** bồi thường và xin lỗi, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, đồng thời chăm sóc bố mẹ bị bệnh.*

Người bị hại: Anh **Trịnh Bình D2** và anh **Lê Xuân H** đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để xác định: Ngày 17/4/2023, **Đỗ Anh T** đã có hành vi gian dối gọi điện thoại giả vờ là thợ lắp đặt camera nhờ anh **Trịnh Bình D2**, anh **Lê Xuân H** trả tiền và nhận camera ở cửa hàng của chị **Nguyễn Thị Thu T1** và anh **Hoàng Đàm L1** tại **thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** để chiếm đoạt của anh **Trịnh Bình D2** số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) anh **Lê Xuân H** số tiền 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi của **Đỗ Anh T** đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo **Đỗ Anh T** về tội danh và Điều luật là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Bị cáo đã lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của người bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, gây tâm lý lo ngại và dư luận bất bình trong nhân dân

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác cũng cần xem xét thêm hoàn cảnh gia đình bị cáo có bố bị bệnh hiểm nghèo, mẹ thường xuyên đau yếu phải điều trị tại bệnh viện (có bệnh án kèm theo). Chính quyền xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ cũng có văn bản xác nhận ở địa phương bị cáo chấp hành tốt các đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nội quy, quy định tại địa phương. HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về vật chứng: 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S, màu xanh, có dán miếng dán màu đỏ vào mặt lưng phía sau, tình trạng đã qua sử dụng là công cụ phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS. Khoản 1 Điều 21, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt:

Bị cáo Đỗ Anh T 12(Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đỗ Anh T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S, màu xanh, có dán miếng dán màu đỏ vào mặt lưng phía sau, tình trạng đã qua sử dụng (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa Cơ quan CSĐT với Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy ngày 25/10/2023).

Về án phí: Bị cáo **Đỗ Anh T** phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND H. Cẩm Thủy;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thủy;
- UBND xã Hanh Cù;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thanh